

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC - PHỤ LỤC I**  
**MÔN HỌC: LỊCH SỬ- BỘ SÁCH KNTT VỚI CUỘC SỐNG**  
(Năm học 2023 - 2024)

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

**A. Đặc điểm tình hình:**

**I. Số lớp: 8 lớp; Số học sinh: 247 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....**

**II. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 2 Đại học: .....; Trên đại học: 2**

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên : Tốt**

**III. Thiết bị dạy học: Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)**

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
I. MÔN LỊCH SỬ KHỐI 9				
1	- Máy tính - Tivi	02 bộ	Tất cả các bài trong chương trình Tất cả các bài trong chương trình	
2	- Bảng phụ	04 bộ		
3	Giấy roki, bút màu	04 bộ		
4	Lược đồ, biểu đồ	04 bộ		
II. MÔN LỊCH SỬ KHỐI 8				
1	- Máy tính - Tivi	02 bộ	Tất cả các bài trong chương trình	Chủ đề :Bảo vệ chủ quyền các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
2	- Bảng phụ	04 bộ		
3	Giấy roki, bút màu	04 bộ		
4	Lược đồ, biểu đồ	04 bộ		
III. MÔN LỊCH SỬ KHỐI 7				
1	- Máy tính - Tivi	02 bộ		

2	- Bảng phụ	04 bộ	Tất cả các bài trong chương trình	
3	Giấy roki, bút màu	04 bộ		
4	Lược đồ	1	Chủ đề: các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất TBCN ở Tây Âu	
<b>IV. MÔN LỊCH SỬ KHỐI 6</b>				
1	- Máy tính - Tivi	02 bộ	Bài 4: Nguồn gốc loài người. Bài 8; Ấn Độ cổ đại Bài 17: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu dành độc lập trước TK X	
2	- Loa	02 bộ		
3	- Bảng phụ	04 bộ		
4	Giấy roki, bút màu	04 bộ		
5	Chuông tay	04 bộ	Hoạt động trò chơi trong tiết thực hành	

**IV. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
<b>MÔN LỊCH SỬ</b>				
<b>1. Lịch sử khối 9</b>				
1	Phòng lớp học	1	Tất cả các tiết học	
<b>1. Lịch sử khối 8</b>				
1	Phòng lớp học	1	Tất cả các tiết học	
2	Phòng Hội trường	1	Bài 12: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và cuộc cách mạng tháng Mười Nga năm 1917	
<b>1. Lịch sử khối 7</b>				
1	Phòng lớp học	1	Tất cả các tiết học	
<b>1. Lịch sử khối 6</b>				
1	Phòng lớp học	1	Tất cả các tiết học	

**B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC****I. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN LỊCH SỬ 9****HỌC KÌ I (18 tuần)**

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	1	Bài 1: Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của TK XX	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Nêu được công cuộc khôi phục kinh tế Liên Xô sau chiến tranh (1945-1950). - Trình bày được những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.	
2	2		- Nêu được sự thành lập nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu. - Nắm được những nét cơ bản về hệ thống XHCN, thông qua đó hiểu được những mối quan hệ, ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới và VN <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, và sống có trách nhiệm.	<b>Mục II.2 Tiến hành xây dựng CNXH (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)</b>
3	3	Bài 2: Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của TK XX	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Trình bày được nguyên nhân, quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. - Hệ quả cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu. - Đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Mục II. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu (Tập trung hệ quả của cuộc khủng hoảng)
4	4	Bài 3: Quá trình phát	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b>	

		triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa	<p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỉ XX.</li> <li>- Nêu được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.</li> <li>- Nêu được nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.</li> <li>- Xác định trên lược đồ vị trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập.</li> <li>- Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	
5	5	Bài 4: Các nước châu Á	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>- Trình bày được một số nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa</li> <li>-Trình bày đặc điểm đường lối đổi mới và những thành tựu tiêu biểu củ công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay).</li> <li>- Xác định vị trí của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa sau ngày thành lập trên lược đồ.</li> <li>- Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	<p>II.2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959 ( <b>Không dạy</b>)</p> <p>II.3. Đất nước trong thời kì biến động (1959– 1978) ( <b>Không dạy</b>)</p> <p>II.4.Công cuộc cải cách – mở cửa (từ năm 1978 đến nay) (Tập trung vào đặc điểm đường lối đổi mới và những thành tựu tiêu</p>

				<b>biểu)</b>
6	6	Bài 5: Các nước Đông Nam Á	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.</li> <li>- Trình bày được hoàn cảnh ra đời, mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN</li> <li>- Lập bảng niên biểu quá trình ra đời và phát triển từ “ASEAN 6” phát triển thành “ASEAN 10”</li> <li>- Nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.</li> <li>- Xác định vị trí các nước Đông Nam Á trên lược đồ.</li> <li>- Giáo dục niềm tự hào về các thành tựu đạt được của nhân dân Đông Nam Á, củng cố khối đoàn kết trong khu vực.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	Mục III. Từ “ASEAN - 6” đến “ASEAN - 10” ( <b>Hướng dẫn học sinh lập niên biểu quá trình ra đời và phát triển</b> )
7	7	Bài 6: Các nước châu Phi	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được nét chính tình hình chung ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>- Trình bày được kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai).</li> <li>- Quan sát hình 13. Nen-xon Man-đê-la và tìm hiểu thêm về cuộc đời và hoạt động của ông.</li> <li>- Xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
8	8	Bài 7: Các nước Mỹ La Tinh	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được nét chính tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>- Trình bày được nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và đánh giá được</li> </ul>	

			<p>kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát lược đồ 14. Khu vực Mĩ La-tinh sau năm 1945 SGK xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.</li> <li>- Quan sát hình 15 SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
9	9	<b>Làm bài kiểm tra giữa kì</b>	<p>Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức phân lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay, từ kết quả kiểm tra các em tự đánh giá mình trong việc học tập nội dung trên, từ đó điều chỉnh hoạt động học tập.</p>	
10	10	Bài 8: Nước Mĩ	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân của sự phát triển đó.</li> <li>- Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh.</li> <li>- Giải thích vì sao nước Mĩ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>- Quan sát bản đồ nước Mĩ (gồm 3 bộ phận lãnh thổ - lục địa Bắc Mĩ, bang A-la-xca và quần đảo Ha-oai) và xác định vị trí thủ đô Oa-sinh-tơn và thành phố Niu Oóc trên bản đồ.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	II/ Sự phát triển về khoa học – kỹ thuật của Mĩ sau chiến tranh <b>(Lồng ghép với bài 12)</b>
11	11	Bài 9: Nhật Bản	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>- Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản.</li> <li>- Quan sát lược đồ 17. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai SGK, xác định vị trí một số thành phố lớn. Quan sát hình 18, 19, 20 trong SGK và nhận xét về sự phát triển khoa học – công nghệ của Nhật Bản.</li> </ul>	Mục III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh (Không dạy)

			<b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.	
12	12	Bài 10: Các nước Tây Âu	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Biết được nét nổi bật về kinh tế và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Quan sát lược đồ 21 xác định vị trí các nước thuộc Liên minh châu Âu trên lược đồ và nêu nhận xét về tổ chức này. - Lập niên biểu về sự thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở châu Âu. <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.	Mục I. Tình hình chung (Tập trung vào đặc điểm cơ bản về kinh tế và đối ngoại, tình hình các sự kiện)
13	13	Bài 11: Trật tự thế giới mới sau chiến tranh	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Biết được sự hình thành trật tự thế giới mới Trật tự hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc. - Trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó. - Biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. - Quan sát hình 22 SGK, tìm hiểu về các nhân vật Séc-sin, Ru-dơ-ven, Xta-lin. - Nêu nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay. - Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh. <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.	
14	14	Bài 12: Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử ....sau chiến tranh thế	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.	Mục I. Những thành tựu chủ yếu của cuộc

		giới thứ hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được những thành tựu về khoa học kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh. Lập niên biểu những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực</li> <li>Quan sát hình 16 nhận xét về sự phát triển khoa học của Mĩ sau chiến tranh.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật.</li> <li>- Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	cách mạng khoa học – kĩ thuật ( <b>Hướng dẫn học sinh lập niên biểu những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực</b> )
15	15	Bài 14: Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nguyên nhân và những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>- Mô tả được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.</li> <li>- Xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ.</li> <li>- So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	II/ Các chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục ( <b>KK học sinh tự đọc</b> )
16	16	Bài 15: Phong trào cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1919-1926)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cách mạng Việt Nam.</li> <li>- Trình bày được những nét chính về các cuộc đấu tranh trong phong trào dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1925.</li> <li>- Trình bày được phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1919 - 1925, qua đó thấy được sự phát triển của phong trào.</li> <li>- Lập niên biểu về phong trào yêu nước và phong trào công nhân từ năm 1919 đến năm 1925.</li> </ul>	



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét về phong trào công nhân trong thời kì này.</li> <li>- Rèn kĩ năng trình bày các sự kiện lịch sử tiêu biểu và có sự đánh giá đúng về các sự kiện.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	
17	17	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.</li> <li>- Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.</li> <li>- Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX</li> </ul>	
18	18	<b>Kiểm tra cuối kì</b>	- Nhằm kiểm tra các mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh về các chủ đề đã học trong học kì I	

## HỌC KỲ II

Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Yêu cầu cần đạt (5)	Ghi chú
19	19	Bài 16: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919-1925)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 - 1925.</li> <li>- Lập bảng hệ thống về hoạt động tiêu biểu của NAQ từ năm 1919 đến 1925 và nêu nhận xét</li> <li>- Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn ở Liên Xô và Trung Quốc</li> <li>- Rèn luyện kĩ năng quan sát và trình bày một số vấn đề lịch sử bằng bản đồ.</li> </ul> <p><b>-b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	Mục II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924) <b>(Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu, không dạy chi tiết)</b> MụcIII. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925) – <b>(Chú ý nêu rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn ở Liên Xô và Trung Quốc)</b>
	20	Bài 17: Cách mạng Việt Nam trước khi	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p>	I/ Bước phát triển mới của phong trào Cách mạng

		có Đảng cộng sản ra đời	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng, sự khác nhau của tổ chức này với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở nước ngoài.</li> <li>- Nêu được sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng, trình bày những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa Yên Bái trên lược đồ.</li> <li>- <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</li> </ul> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	<p>Việt Nam (1926 – 1927) <b>(không dạy)</b></p> <p><b>-Mục IV.</b> Ba tổ chức Cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm <b>1929</b> <b>(Không dạy ở bài này, tích hợp vào mục I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của bài 18 (ở nội dung hoàn cảnh lịch sử trước khi Đảng ra đời)</b></p>
20	21	Bài 18: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được trong năm 1929 3 tổ chức cộng sản lần lượt ra đời</li> <li>- Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam: Thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng</li> <li>- Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. lập Đảng</li> <li>- Trình bày được nội dung cơ bản của Luận cương chính trị.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p>	<p><b>Tích hợp phần IV bài 17 vào mục I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của bài 18 (ở nội dung hoàn cảnh lịch sử trước khi Đảng</b></p>
	22	Bài 19: Phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1930 - 1935	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được những nét chính về những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế và XH Việt Nam.</li> <li>- Lập bảng niên biểu thời gian địa điểm và ý nghĩa của phong trào CM 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh.</li> <li>-Xác định trên lược đồ H32 địa điểm diễn ra một số cuộc đấu tranh</li> </ul>	<p>Mục II. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh <b>(Hướng dẫn học sinh lập niên biểu thời gian, địa điểm và ý nghĩa của phong trào)</b></p>

			tiêu biểu <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
21	23	Bài 20: Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 - 1939	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Nhận biết được những tác động ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng nước ta. - Trình bày được những chủ trương mới củ Đảng ta và diễn biến các phong trào đấu tranh tiêu biểu trong thời kỳ này. - Nhận xét về quy mô phong trào. - Trình bày được ý nghĩa của phong trào <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.	
	24	Bài 21: Việt Nam trong những năm 1936 – 1945	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> -Nêu được đặc điểm cơ bản tình hình thế giới và trong nước. Nêu được nét chính của hiệp ước Pháp- Nhật - Những nét chính về diễn biến của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương. Ý nghĩa lịch sử của 3 cuộc khởi nghĩa - Rèn luyện học sinh lập bảng niên biểu các cuộc khởi nghĩa <b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.... <b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.	Mục I. Tình hình thế giới và Đông Dương ( <b>Tập trung nêu được đặc điểm cơ bản tình hình thế giới và trong nước. Phần hiệp ước Pháp - Nhật chỉ nêu nét chính</b> )  Mục II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên ( <b>Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các cuộc khởi nghĩa</b> )
22	25, 26	Bài 22 : Cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng tám (1945)	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> <b>a. Năng lực lịch sử</b> - Hoàn cảnh ra đời, chủ trương và hoạt động của Mặt trận Việt Minh. Vai trò, ý nghĩa của Việt Minh đối với sự phát triển của cách mạng.	Mục I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19-5-1941) ( <b>Tập trung vào sự thành lập Mặt trận Việt Minh và nhấn mạnh vai trò, ý</b>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.</li> <li>- Chủ trương của Đảng sau khi Nhật đảo chính Pháp và diễn biến của cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945</li> <li>- Rèn luyện học sinh Lập bảng thống kê các sự kiện quan trọng từ tháng 4 đến 6/1945 để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản trong bài học.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p><b>nghĩa của Mặt trận Việt Minh - Chú ý nêu được chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta)</b></p> <p>Mục II.2 Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (<b>Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê một số sự kiện quan trọng từ tháng 4 – 6/1945)</b></p>
23	27	Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng tám 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được thời cơ CM đã đến Đảng nắm được thời cơ và quyết tâm giành chính quyền .</li> <li>- Trình bày diễn biến chính Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</li> <li>-Lập bảng thống kê các sự kiện khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> </ul> <p><b>-b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	Sắp xếp, tích hợp mục II và mục III thành mục. Diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. ( <b>Chỉ hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các sự kiện khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn)</b>
	28	Bài 24: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sắp xếp tích hợp các mục II, mục III, mục IV, mục V, mục VI thành mục: “Củng cố chính quyền cách mạng và bảo</li> </ul>

24	29	Bài 24: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (TT)	<p>Tám năm 1945.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ</li> <li>- Rèn luyện kĩ năng đánh giá các sự kiện.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p>vệ độc lập dân tộc”</p> <p><b>- Chú ý sự kiện bầu cử Quốc hội lần đầu tiên trong cả nước (6-1-1946)</b></p> <p>Mục IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (<b>Tập trung vào sự kiện thực dân Pháp đánh chiếm ủy ban Nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn (23-9-1945) và chính sách hòa hoãn với quân Tưởng</b>)</p>
	30	Bài 25: Những năm đầu của cuộc kháng chiến thắng toàn quốc chống Pháp năm 1946 - 1950	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).</li> <li>- Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.</li> </ul>	
25	31	Bài 25: Những năm đầu của cuộc kháng chiến thắng toàn quốc chống Pháp năm 1946 – 1950 (TT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 những ngày đầu kháng chiến toàn quốc; đôi nét về diễn biến, ý nghĩa.</li> <li>- Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947: âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta: tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.</li> <li>- Rèn kĩ năng sử dụng tranh ảnh, bản đồ các chiến dịch, các trận đánh.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p>III/ Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài (<b>Không dạy</b>)</p> <p>V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện ( <b>KK học sinh tự đọc</b>)</p>
	32	Bài 26: Bước phát	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b>	II/ Âm mưu đẩy mạnh

		triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 - 1953)	<p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến.</li> <li>- Trình bày theo lược đồ âm mưu của Pháp sau chiến dịch Việt Bắc, chủ trương của ta, diễn biến kết quả của chiến dịch Biên giới – Thu đông</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp ( <b>KK học sinh tự đọc</b> ) V/ Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường( <b>KK học sinh tự đọc</b> )
26	33	<b>Kiểm tra giữa học kì 2</b>	Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức phần lịch sử Việt Nam từ 1945 đến 1954, từ kết quả kiểm tra các em tự đánh giá mình trong việc học tập nội dung trên, từ đó điều chỉnh hoạt động học tập.	
26	34	Bài 26: Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân (TT)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng ( 2-1951).</li> <li>- Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951-1953. Ý nghĩa của sự kiện đó.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
27	35	Bài 27: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953 - 1954)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nội dung của kế hoạch Nava</li> <li>- Trình bày theo lược đồ các cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 (học sinh lập bảng niên biểu sự kiện chính)</li> <li>- Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Giơ- ne –vơ.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p>Mục II. 1 Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954- (<b>Hướng dẫn học sinh lập niên biểu sự kiện chính</b>)</p> <p>Mục III. Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương (1954) (<b>Tập trung vào nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ</b> )</p>
27	36	Bài 27: Cuộc kháng chiến toàn quốc		

28		chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc(TT)		
	37	Bài 28: Xây dựng CNXH ở miền Bắc. Đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được tình hình nước ta sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương</li> <li>- Nêu được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mỹ Diêm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng.</li> <li>– Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (Lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu)</li> <li>- Trình bày hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng (9/1960)</li> <li>- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p>II/ Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 – 1960) <b>(không dạy)</b></p> <p>Mục V.2 Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ <b>(Hướng dẫn học sinh lập thống kê các sự kiện tiêu biểu)</b></p>

28 29	38 39			
29 30	40, 41	<p>Bài 29: Cả nước trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 - 1973)</p>	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được âm mưu và hành động, thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" của Mĩ.</li> <li>- Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ; (<b>lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu</b>)</li> <li>- Trình bày được hoàn cảnh lịch sử ,diễn biến và ý nghĩa Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).</li> <li>- Nhận biết được cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và ý nghĩa.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p>Mục I.2 Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (<b>Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu</b>)</p> <p>II/ 2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất (<b>Không dạy</b>)</p> <p>Mục III.2 Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" của Mĩ (<b>Hướng dẫn học sinh lập niên</b></p>



30	42	Bài 29: Cả nước trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 - 1973) (TT)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của Mĩ (1969 – 1973)</li> <li>- Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".</li> <li>- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	<p>Mục IV.1 Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa (<b>Không dạy</b>)</p> <p>Mục V. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam (<b>Chỉ nêu nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973</b>)</p>
31	43	Bài 30: Hoàn thành giải phóng miền Nam, giải phóng đất nước (1973 - 1975)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được những thành tựu của miền Bắc trong khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa chi viện cho miền Nam</li> <li>- Trình bày được chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam của</li> </ul>	II/ Đấu tranh chống địch “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam ( <b>Đọc thêm</b> )
				<b>biểu các sự kiện tiêu biểu.)</b>

31	44		<p>bộ chính trị trung ương Đảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 qua các chiến dịch lớn</li> <li>- Trình bày được ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</li> <li>- Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước</li> <li>- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng các tranh ảnh lịch sử, kỹ năng phân tích, tổng hợp, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
32	45	Bài 31: Việt Nam những năm đầu sau đại thắng mùa xuân 1975	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.</li> <li>- Trình bày được những thành tựu ở hai miền Nam – Bắc.</li> <li>- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</li> <li>- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng các tranh ảnh lịch sử.</li> </ul> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	

32	46	Bài 32: Xây dựng đất nước đấu tranh bảo vệ tổ quốc (1976-1985)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng (2/1976)</li> <li>-Nêu được những thành tựu và những khó khăn , hạn chế cơ bản trong 10 năm đầu XD CNXH trên phạm vi cả nước.</li> <li>_ Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc , ý nghĩa của nó</li> </ul> <p>Phẩm chất: Giáo dục cho hs lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa XH tinh thần lao động xây dựng đất nước nhân ái, chăm chỉ học tập và sống có trách nhiệm.</p> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
33		Bài 33: Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 - 2000)	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>a. Năng lực lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới, trình bày được nội dung đường lối</li> </ul>	Mục II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) <b>(Chỉ khái quát những thành tựu tiêu biểu, học</b>

	47		<p>đổi mới của Đảng.</p> <p>- Trình bày được những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới</p> <p>- Rèn luyện cho hs kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử.</p> <p><b>b. Năng lực chung:</b> Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	sinh có thể cập nhật)
33 34	48 49	Ôn tập	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p>- Giúp học sinh ôn lại kiến thức lịch sử nước ta giai đoạn 1946 - 1975</p> <p>- Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta ở 2 miền Nam – Bắc</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
34 35	50 51	<p>Lịch sử địa phương</p> <p>Khái quát về lịch sử Quảng Nam từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến ngày đất nước được thống nhất.( chú ý Chiến Thắng Núi Thành)</p>	<p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p><b>1. Yêu cầu về năng lực</b></p> <p>- Khái quát nét chính về Quảng Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến ngày đất nước thống nhất</p> <p>- Chiến thắng Núi Thành. Biết đến tượng đài ghi dấu chiến tích trận đánh.</p> <p><b>2. Phẩm chất:</b> Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	

35	52	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>1. Yêu cầu về năng lực</b> Nhằm kiểm tra kiến thức của HS phân lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ: - Rèn luyện cho HS các kỹ năng : - Ghi nhớ, tái hiện sự kiện, trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện. - Thông qua làm bài giáo dục cho học sinh thái độ nghiêm túc, tinh thần tự lực rèn làm bài, kiểm tra, đánh giá thái độ, tình cảm của học sinh đối với các sự kiện, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.. <b>Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	

## II. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN LỊCH SỬ 8

Tuần	Bài học	Tiết	Yêu cầu cần đạt
<b>Học kì 1 (9 tuần đầu 2 tiết; 9 tuần sau 1 tiết)</b>			
1	Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (2 tiết)	1,2	- Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra Cách mạng tư sản Anh, và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. - Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. - Nêu được một số đặc điểm chính của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
2	Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII (2 tiết)	3,4	- Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII. - Trình bày được nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa tính chất của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII. - Nêu được một số đặc điểm chính của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
3	Bài 3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế	5	- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. - Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất

	kỉ XIX) (1 tiết)		và đời sống xã hội.
	Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX (2 tiết)	6	- Trình bày được những nét chính về quá trình xâm nhập của thực dân phương Tây vào các nước Đông Nam Á. - Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.
4		7	- Mô tả được những nét cơ bản của cuộc đấu tranh ở các nước Đông Nam Á chống ách đô hộ của thực dân phương Tây.
	Bài 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn (2 tiết)	8	- Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. - Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.
5		9	
	Bài 6. Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII (2 tiết)	10	- Trình bày được khái quát công cuộc khai phá vùng đất phía Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII. - Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.
6		11	
	Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII (2 tiết)	12	- Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. - Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII.
7		13	
	Bài 8. Phong trào Tây Sơn (3 tiết).	14	- Trình bày được nét chính về nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Tây Sơn. - Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chính quyền chúa Nguyễn, chúa Trịnh – vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),...
8		15,16	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn. - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.
9	<b>Ôn tập giữa kỳ 1</b>	17	Theo ma trận, đặc tả
	<b>Kiểm tra giữa kỳ 1</b>	18	
10	Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII (2 tiết)	19	- Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. - Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

11		20	
12	Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) (2 tiết)	21	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành chủ nghĩa đế quốc.</li> <li>- Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội và đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.</li> </ul>
13		22	
14	Bài 11. Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học (3 tiết)	23	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân.</li> <li>- Trình bày được một số hoạt động chính của C. Mác, Ph. Ăng ghen và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.</li> <li>- Trình bày được những nét chính về Công xã Pa-ri (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới... nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới.</li> <li>- Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức công nhân..).</li> </ul>
15		24	
16		25	
17	<b>Ôn tập cuối kỳ 1</b>	26	Theo ma trận, đặc tả
18	<b>Kiểm tra cuối kỳ 1</b>	27	
19	<b>Học kỳ 2</b> (8 tuần đầu 1 tiết; 9 tuần sau 2 tiết)	28	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đối với lịch sử nhân loại.</li> <li>- Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.</li> </ul>
20	Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 (2 tiết)	29	
21		30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX.</li> <li>- Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX.</li> </ul>
22	Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX (2 tiết)	31	
23		32	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.</li> <li>- Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi. Nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.</li> <li>- Nêu được những nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị</li> <li>- Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản</li> </ul>
24	Bài 14. Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (2 tiết).	33	

			vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
25		34	Theo ma trận, đặc tả
26	<b>Ôn tập giữa kỳ 2</b>	35	
27	<b>Kiểm tra giữa kỳ 2</b>	36,37	- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX. - Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
28	Bài 15. Ấn Độ và Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (2 tiết)	38,39	- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn. - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội thời Nguyễn. - Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.
29	Bài 16. Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX) (3 tiết)	40	
		41	- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). - Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.
30	Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884 (3 tiết)	42,43	
31		44,45	- Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế.
32	Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896 (2 tiết)	46,47	- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam. - Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành.
33	Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917 (2 tiết)	48,49	- Xác định được vị trí, phạm vi của các vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên biển đảo Việt Nam.
34	Chủ đề 2: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (4 tiết)	50,51	- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử
35		52	Theo ma trận, đặc tả
	<b>Ôn tập cuối kỳ 2</b>	53	
	<b>Kiểm tra cuối học kì 2</b>		



### III. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN LỊCH SỬ 7

**Học kì 1** (9 tuần đầu 2 tiết; 9 tuần sau 1 tiết)

Tuần	Bài học	Tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu	1	- Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
2		2	- Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
		3	- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.
3	Bài 2: Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu	4	- Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới. - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.
		5	
4	Bài 3: Phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo	6	- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng. - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu. - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.
		7	
	5	Bài 4: Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	
9			
6	Bài 5: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX	10	- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
	Bài 6: Các vương	11	- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul. - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.
		Bài 6: Các vương	12

7	quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	13	thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
	Bài 7: Vương quốc Lào	14	- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.
8	Bài 8: Vương quốc Cam-pu-chia	15	- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.
	<b>Kiểm tra giữa kỳ 1</b>	16	Theo ma trận, đặc tả
9	<b>Trả bài</b>	17	
	Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967)	18	- Nêu được những nét chính về thời Ngô. - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô
10	Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009)	19	- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.
11		20	
12	Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225)	21	- Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. - Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý.
13		22	
14		23	
15	Bài 12: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077)	24	- Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).
16		25	
17	<b>Ôn tập cuối kỳ 1</b>	26	
18	<b>Kiểm tra cuối kỳ 1</b>	27	Theo ma trận, đặc tả
19	<b>Học kì 2</b> (8 tuần đầu 1 tiết; 9 tuần sau 2	28	- Mô tả được sự thành lập nhà Trần. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn

	tiết)		giáo thời Trần.
20	Bài 13: Đại Việt thời	29	
21	Trần (1226 – 1400)	30	
22		31	- Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông
23		32	- Nguyên.
24	Bài 14: Ba lần kháng	33	- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến
25	chiến chống quân	34	chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và
	xâm lược Mông –		quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.
	Nguyên		- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá và đánh giá được vai trò của một số
26		35	nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...
			Theo ma trận, đặc tả
27	<b>Ôn tập giữa kỳ 2</b>	36	
	<b>Kiểm tra giữa kỳ 2</b>	37	- Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.
28	Bài 15: Nước Đại	38	- Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được
	Ngu thời Hồ (1400 –		tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.
	1407)		- Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.
			- Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm
		39	lược.
			- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
29	Bài 16: Khởi nghĩa	40	- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
	Lam Sơn (1418 –	41	- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một
30	1427)	42	số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...
		43	- Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.
31	Bài 17: Đại Việt thời	44	- Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
	Lê Sơ (1428 – 1527)	45	- Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu
32		46	thời Lê sơ.
		47	Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ
		48	đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
33	Bài 18: Vương quốc	49	- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa
	Chăm-pa và vùng đất		lí.
	Nam Bộ từ đầu thế kỉ		- Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492
	X đến đầu thế kỉ XVI		– 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
34	Chủ đề: Các cuộc	50	- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.
	phát kiến địa lý	51	
35		52	Theo ma trận, đặc tả

	<b>Ôn tập cuối kì 2</b>	53	
	<b>Kiểm tra cuối kì 2</b>		

#### IV. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN LỊCH SỬ 6

Tuần	Bài học	Tiết	Yêu cầu cần đạt
<b>HỌC KỲ 1</b> (9 tuần đầu 1 tiết; 9 tuần sau 2 tiết)			
1	Bài 1. Lịch sử và cuộc sống.	1	- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
2	Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lịch sử	2	Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...).
3	Bài 3. Thời gian trong lịch sử	3	Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...
4	Bài 4. Nguồn gốc loài người	4	- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.
5		5	- Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.
6	Bài 5: Xã hội nguyên thủy	6	- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...).
7		7	- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.
8	<b>Kiểm tra giữa kỳ 1</b>	8	Theo ma trận, đặc tả.
9	<b>Trả bài</b>	9	
10	Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy	10	- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.
		11	- Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun).

11	Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	12	- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.
		13	- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. - Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà.
12	Bài 8: Ấn Độ cổ đại	14	- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.
		15	- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ.
13	Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	16	- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.
		17	- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thuỷ Hoàng. - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.
14	Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại	18	- Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.
		19	- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã. - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã.
15	Bài 11: Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.	20	- Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.
		21	- Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.
16	Bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X)	22	- Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á.
		23	- Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.
17	Bài 13: Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X	24	Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.
		25	
18	<b>Ôn tập cuối kỳ 1</b>	26	Theo ma trận, đặc tả.
	<b>Kiểm tra cuối kì 1</b>	27	
19	<b>HỌC KỲ 2</b> (8 tuần đầu 2 tiết; 9 tuần sau 1 tiết)	28	- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.
		29	- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.
20	Bài 14: Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc	30	- Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.
		31	- Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc

21	Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc.	32	thuộc.
		33	- Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.
22	Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X.	34	Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).
		35	
23		36	
		37	
24		38	
	Bài 17: Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt	39	Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.
25		40	
	<b>Ôn tập giữa kỳ 2</b>	41	Theo ma trận, đặc tả.
26		42	
	<b>Kiểm tra giữa kỳ 2</b>	43	- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
27		44	
28		45	
29		46	
		47	
30	Bài 18: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X.	48	- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa.
31		49	- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.
32	Bài 19: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X	50	Theo ma trận, đặc tả.
33		51	
34	Bài 20: Vương quốc Phù Nam	52	
35	<b>Ôn tập cuối kỳ 2</b>		
	<b>Kiểm tra cuối kỳ 2</b>		

### C. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ

#### I. MÔN LỊCH SỬ 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Kiểm tra giữa kì I	45	Tuần 9	Kiến thức từ bài 1 đến bài 7	Kiểm tra viết (trên giấy)
Kiểm tra cuối kì I	45	Tuần 18	Kiến thức từ bài 1 đến bài 14	Kiểm tra viết (trên giấy)
Kiểm tra giữa HK II	45	Tuần 26	Kiến thức từ bài 15 đến bài 25	Kiểm tra viết (trên giấy)
Kiểm tra cuối HK II	45	Tuần 35	Kiến thức từ bài 15 đến bài 32	Kiểm tra viết (trên giấy)

#### II. MÔN LỊCH SỬ 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 2 đối với phân môn Địa lí; từ bài 1 đến hết bài 8 đối với phân môn Lịch sử.	Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy)
Cuối học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 7 đối với phân môn Địa lí; từ bài 1 đến hết bài 11 đối với phân môn Lịch sử.	
Giữa học kỳ 2	60 phút	Tuần 26	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 8 đến hết bài 11 đối với phân môn Địa lí; từ bài 12 đến hết bài 14 đối với phân môn Lịch sử.	
Cuối học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 8 đến hết bài 12, chủ đề 2 đối với phân môn Địa lí; từ bài 12 đến hết bài 19, chủ đề 1 đối với phân môn Lịch sử.	

#### III. MÔN LỊCH SỬ 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
------------------------	-----------	-----------	-----------------	-----------

Giữa học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 8 đối với phân môn Lịch sử	Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy)
			Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 3 đối với phân môn Địa lí	
Cuối học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 8, chủ đề 2 đối với phân môn Địa lí; bài 1 đến hết bài 12 đối với phân môn Lịch sử.	
Giữa học kỳ 2	60 phút	Tuần 27	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 9 đến hết bài 16 đối với phân môn Địa lí	
			Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 13 đến hết bài 14 đối với phân môn Lịch sử	
Cuối học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 9 đến hết bài 19 đối với phân môn Địa lí; bài 13 đến hết bài 18 và chủ đề 1 đối với phân môn Lịch sử.	

#### IV. MÔN LỊCH SỬ 6

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 5 đối với phân môn Lịch sử	Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy)
			Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 11 đối với phân môn Địa lí	
Cuối học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 16 đối với phân môn Địa lí; bài 1 đến hết bài 13 đối với phân môn Lịch sử.	
Giữa học kỳ 2	60 phút	Tuần 26	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 14 đến hết bài 17 đối với phân môn Lịch sử	
			Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 17 đến hết bài 20 đối với phân môn Địa lí	
Cuối học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 17 đến hết bài 30 đối với phân môn Địa lí; bài 13 đến hết bài 18 và chủ đề 1 đối với phân môn Lịch sử.	

#### III. Các nội dung khác (nếu có):

- Bồi dưỡng HSG Lịch sử 9, lịch sử và địa lí 8
- Phối hợp Đội TNTP tổ chức ngoại khoá ngày 22/12 và Kết chuyện Bác Hồ.

**TỔ TRƯỞNG**



**Đỗ Thanh Tuấn**

*Tam Sơn, ngày 3 tháng 9 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lưu Thành**